

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH
KHOA TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ NHÂN SỰ

35A/GIA

GIÁO TRÌNH
ĐẠO ĐỨC CÔNG VỤ

4854
10609
ĐẠO ĐỨC

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG
HÀ NỘI - 2012

Chủ biên: PGS.TS. Nguyễn Đăng Thành

Biên soạn: PGS.TS. Nguyễn Đăng Thành
PGS.TS. Võ Kim Sơn

Lời nói đầu

Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội. Do đó khi nghiên cứu đạo đức nói chung cũng như đạo đức công vụ, cần xem xét dựa trên nền tảng chung của các quan niệm về đạo đức, đạo đức nghề nghiệp.

Hoạt động thực thi công việc của những người làm việc cho nhà nước trên một nghĩa rộng là hoạt động thực thi công vụ. Tuy nhiên, định nghĩa công vụ không giống nhau giữa các nước. Do đó, hoạt động công vụ cũng có thể xem như một loại “nghề nghiệp” và khi nghiên cứu đạo đức công vụ cũng cần phải dựa trên những nền tảng chung về đạo đức nghề nghiệp vận dụng vào “nghề đặc biệt- công vụ” [1].

Công vụ là một từ được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau tùy theo từng nước. Tuy nhiên, đó cũng chính là những loại công việc do chính những người của nhà nước thực hiện. Thực thi các loại công việc trong cơ quan nhà nước cũng được tiếp cận mang tính nghề nghiệp cao và có quan hệ với nhiều người

Đạo đức công vụ trên nguyên tắc chung là đạo đức thực thi công việc nhà nước giao cho công chức (hoặc

¹ Khi xây dựng một nền hành chính chuyên nghiệp tức cũng khẳng định “công vụ là một loại nghề”. Mục tiêu của cải cách hành chính là hướng đến một nền hành chính chuyên nghiệp.

những người được pháp luật đặt tên là công chức). Điều đó cũng có nghĩa là đạo đức công vụ bao gồm hai yếu tố:

- Đạo đức của chính cá nhân từng công chức trong đời sống xã hội;
- Đạo đức khi thực thi công vụ của nhà nước do chính công chức thực hiện.

Khi nghiên cứu đạo đức cá nhân người công chức, luôn gắn liền với những yếu tố, nội dung liên quan đến đạo đức cá nhân, đạo đức xã hội và được thu tóm lại đạo đức của công chức - một loại người đặc biệt trong xã hội.

Khi nghiên cứu đạo đức thực thi công vụ tức nghiên cứu những khía cạnh đạo đức mang tính nghề nghiệp của một loại nghề đặc biệt là công vụ. Đạo đức công vụ do đó gắn liền với đạo đức nghề nghiệp nói chung được vận dụng vào trong một loại nghề đặc biệt - công vụ.

Môn học "Đạo đức công vụ" bao gồm một số chương:

Chương I: Một số vấn đề chung về đạo đức

Chương II: Đạo đức người làm việc cho nhà nước và tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức

Chương III: Đạo đức nghề nghiệp

Chương IV: Đạo đức thực thi công vụ của công chức

Chương V: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức trong thực thi công vụ

Chương VI: Pháp luật về đạo đức công vụ

Chương VII: Pháp luật về đạo đức của một số nước lựa chọn

Sinh viên theo học môn học này đòi hỏi phải học xong những môn cơ bản như triết học, tâm lý học, xã hội học và hành chính học.

Sau khi kết thúc môn học, sinh viên phải tự xác định được giá trị chuẩn đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp và gắn với nó là đạo đức khi làm việc trong khu vực nhà nước.

Phương pháp nghiên cứu, học môn học này thông qua các hình thức trao đổi trên lớp. Đồng thời đọc các tài liệu của liên quan, chủ yếu phải nghiên cứu. Nhiều tình huống thực chứng về đạo đức nghề nghiệp cần nghiên cứu thông qua các tài liệu, thông tin. Những tài liệu đó là tham khảo có tính hỗ trợ.

Trong quá trình nghiên cứu, học viên phải xem xét nhiều tình huống về đạo đức thực chứng dựa vào thực tiễn cuộc sống của từng học viên. Đồng thời, đạo đức thực chứng trên từng loại nghề nghiệp khác nhau cũng sẽ được trao đổi.

Trong khuôn khổ làm việc ở khu vực nhà nước, tiếp cận đến khía cạnh đạo đức cần phân biệt rõ giữa pháp luật và vấn đề đạo đức. Tuy nhiên, hoạt động của công chức mang tính "tuân thủ pháp luật" và do đó, đạo đức cũng gắn đồng nghĩa với pháp luật. Đây cũng là điều cần phân biệt với "đạo đức" mang tính "cam kết, tự nguyện" trong các tổ chức khác bên cạnh những quy định mang tính chuẩn mực về nghề nghiệp do pháp luật nhà nước quy định.

Chương I

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐẠO ĐỨC

Yêu cầu

Đây không phải là môn học về “đạo đức học”, đó đó không có đủ thời gian để đi sâu nghiên cứu những vấn đề liên quan đến đạo đức học. Học viên và giảng viên cần phải biết trước khi nhiều vấn đề liên quan và thuộc về nội dung của các kiến thức trong các môn học thuộc về đạo đức học. Ngay từ khi ngồi trên ghế nhà trường, học sinh cũng đã được học môn học đạo đức trong “Giáo dục công dân”.

Trong chương này sẽ hệ thống lại cho học viên hiểu được:

- Quan niệm về đạo đức;
- Cách thức tiếp cận khi nghiên cứu đạo đức;
- Những nội dung và các hành vi cụ thể của đạo đức;
- Những khía cạnh liên quan đến đạo đức cá nhân; đạo đức tổ chức và đạo đức xã hội;
- Phân biệt được mức độ khác nhau và mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật.

1. Những cách tiếp cận về “đạo đức”

1.1. Quan niệm về đạo đức

Khó có thể đưa ra một định nghĩa đầy đủ về “đạo đức”. Trong ngôn ngữ nước ngoài, đạo đức thường được sử dụng bằng những từ “moral, morality, ethics hoặc conduct” Mỗi một từ đó trong nhiều trường hợp được sử dụng với những nghĩa khác nhau nhưng cũng không ít trường hợp sử dụng thay thế nhau.

Trong ngôn ngữ tiếng Việt và Hán Việt, từ “đạo đức” được nhiều người tách thành hai nghĩa “đạo” và “đức”. Điều này làm cho khái niệm, nội hàm của “đạo đức” rất phong phú nhưng cũng rất phức tạp.

Đạo đức là một hiện tượng xã hội, một phương diện của đời sống xã hội, một yếu tố hợp thành hệ thống xã hội. Cụ thể hơn, đạo đức là một lĩnh vực đặc thù của đời sống xã hội bên cạnh các lĩnh vực khác (kinh tế, chính trị, nghệ thuật, tôn giáo, v.v...). Với tư cách là một phương diện của đời sống xã hội, đạo đức còn hiện diện trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội (đạo đức trong kinh tế, đạo đức trong chính trị, đạo đức trong nghệ thuật, đạo đức tôn giáo, v.v...). Có thể xem xét “đạo đức” dưới một số cách tiếp cận sau:

1.1.1. Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội

Các nhà nghiên cứu đạo đức học, triết học thường nhìn nhận đạo đức như là một hình thái ý thức xã hội bên cạnh các hình thái ý thức xã hội khác (chính trị, pháp luật, triết học, tôn giáo, nghệ thuật, khoa học). Với tư cách là hình thái ý thức xã hội, đạo đức thể hiện thông qua “các nguyên tắc, quy tắc, các chuẩn mực, giá trị định hướng, điều chỉnh hành vi của con người và hoạt động của xã hội”. Đó là cách thức nhằm hiện thực hóa các quan hệ:

- Con người với con người;
- Con người trong cộng đồng, tập thể;
- Con người trong xã hội;
- Con người trong gia đình; và
- Con người với tư cách là một chủ thể.

Xét về mặt nhận thức, đạo đức là phản ánh sự tồn tại xã hội, và do đó đạo đức bị chi phối, quyết định bởi tồn tại xã hội.

Thực trạng của một xã hội ở từng giai đoạn khác nhau được thể hiện thông qua những yếu tố:

- Đời sống (vật chất) của xã hội;
- Mức độ phát triển sản xuất vật chất của xã hội;
- Các quan hệ con người với nhau trong quá trình sản xuất của xã hội.

Điều hiển nhiên với sự chấp nhận phản ánh tồn tại xã hội của đạo đức, tùy thuộc vào thực trạng của xã hội mà sẽ tạo ra một “đạo đức thích ứng”. Không có một loại hình “đạo đức bất biến”.

Khi tồn tại xã hội thay đổi thông qua các cuộc cách mạng về lực lượng sản xuất và các quan hệ sản xuất, thì đạo đức cũng sẽ thay đổi theo. Đây là mối quan hệ mang tính biện chứng giữa đạo đức và tồn tại xã hội mà nó phản ánh.

Điều này cũng có thể dễ dàng giải thích được những cách tư duy khác nhau về cùng một vấn đề, một hiện tượng mang tính hành vi ứng xử ở những hình thái kinh tế xã hội khác nhau có thể có những sự khác nhau. Những quan điểm về cái thiện và cái ác, về nghĩa vụ và lương tâm, về ý nghĩa cuộc sống và hạnh phúc là khác nhau và thậm chí đối lập nhau ở những cá nhân, những thời đại và những cộng đồng người khác nhau. Ngay trong lòng xã hội hiện đại ngày nay, do nhận thức phản ánh khác nhau vẫn có thể có những cách tư duy không giống nhau về “thiện - ác”, “nhân đạo”. Ví dụ, các nước không chấp nhận phá thai vì coi đó như là một hình thức “vô đạo đức”, nhưng thực tế của nhiều nước, thông qua công tác kế hoạch hóa gia đình, nạo, phá thai do có thai ngoài ý muốn lại là một sự can thiệp cần thiết.

Tuy nhiên, với tư cách là một hình thái ý thức xã hội bên cạnh nhiều hình thái ý thức xã hội khác, đạo đức có tính độc lập tương đối so với tồn tại xã hội. Đó chính là những chân giá trị không thay đổi, không phụ thuộc vào tồn tại xã hội. Đó cũng chính là cái chung nằm trong cái riêng của “đạo đức”.

Đạo đức của các giai đoạn phát triển khác nhau của xã hội kế thừa mang tính truyền thống những nét đẹp, văn minh của các hình thái kinh tế - xã hội trước đó. Và mỗi một hình thái kinh tế - xã hội nếu biết tôn trọng và gìn giữ những “nét đẹp” đó, sẽ có tác động tích cực đến tồn tại xã hội. Nền kinh tế tập trung, bao cấp chứa đựng nhiều yếu tố không tích cực. Nhưng bên trong nó cũng chứa đựng nhiều yếu tố mà nền kinh tế thị trường dù phát triển cũng cần phải xem xét lại để hướng đến những chân giá trị đó. Trong kinh tế tập trung bao cấp, tính “bình đẳng tiếp cận đến các loại dịch vụ công” tốt hơn nhiều so với ngày nay. Và đó cũng chính là giá trị đang muốn vươn lên của nền kinh tế thị trường.

Đạo đức có tính độc lập tương đối khi xem xét tập hợp các yếu tố về “tư tưởng, quan điểm, khái niệm và kinh nghiệm”; “về các nguyên tắc, các chuẩn mực điều chỉnh hành vi của con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội” và mọi hình thái kinh tế - xã hội đều chứa đựng những tư duy khá chuẩn tắc đó.

1.1.2. Đạo đức là một phương thức điều chỉnh hành vi của con người.

Hành vi của cá nhân con người với nhau, với xã hội phụ thuộc rất lớn vào những hành vi cá nhân khác cùng trong xã hội đó.

Con người ứng xử, quan hệ giao tiếp với nhau trên một nền tảng chung là cùng chia sẻ lợi ích. Con người,

mối quan hệ con người với nhau và với cộng đồng đều dựa trên hai nhóm lợi ích:

- Lợi ích cá nhân;
- Lợi ích chung, tập thể, cộng đồng.

Xét về bản chất, lợi ích là tất yếu đối với sự tồn tại và phát triển của mỗi cá nhân và cộng đồng người.

Quan hệ giữa con người - con người và con người (cá nhân) - cộng đồng trên khía cạnh lợi ích là “hài hòa lợi ích của các bên”, trong những điều kiện cụ thể. Nhờ “sự hài hòa lợi ích” mà “*một cá nhân hay một cộng đồng người mới có thể tồn tại và phát triển một cách bình thường*”.

Một xã hội với tập hợp nhiều người, với nhận thức tồn tại xã hội khác nhau làm cho việc nhận thức đúng bản chất lợi ích cá nhân cân bằng với lợi ích tập thể, cộng đồng và với lợi ích của cá nhân khác là một trong những chủ đề phức tạp của nhận thức. Lợi ích của từng cá nhân; lợi ích của con người với cộng đồng xã hội luôn có sự mâu thuẫn, đựng độ cân phải giải quyết. Đó chính là “*triết lý của cái tôi và cái ta*” trong cùng một sự kiện xã hội. Mâu thuẫn của lợi ích này có thể đẻ ra nhiều vấn đề phức tạp của xã hội, ví dụ tình trạng lấn chiếm đất công phục vụ lợi ích cá nhân và khi bị giải tỏa vì mục tiêu chung, luôn là “*sự đựng độ mang tính lợi ích*”.

Để đảm bảo lợi ích của mình, xã hội đòi hỏi mỗi cá nhân phải tôn trọng, khẳng định và bảo vệ những lợi ích xã hội. Điều đó được thể hiện thông qua những “*giá trị lợi ích được xã hội chấp nhận và tìm mọi cách để cá nhân hành vi, ứng xử theo quan điểm bảo vệ lợi ích xã hội*”. Tuy nhiên, khó có thể “*cưỡng bức, cưỡng chế*” cá nhân

cân bằng hài hòa lợi ích cá nhân với lợi ích xã hội. Gia tăng sự quan tâm đến lợi ích xã hội thông qua “*đur luận xã hội*”. Đây cũng là một trong những vấn đề cần quan tâm hiện nay.

Cân bằng, hài hòa lợi ích cá nhân với lợi ích xã hội đòi hỏi từng cá nhân phải rèn luyện theo những định hướng:

Trước hết, mỗi một người phải tự nhận biết những yếu tố mang tính lợi ích xã hội và phân biệt nó với lợi ích cá nhân. Đây là một quá trình phức tạp, đòi hỏi mỗi cá nhân phải biết lồng ghép nhiều yếu tố và nhìn nhận một cách tự nguyện, tự giác lợi ích xã hội. Ví dụ, đánh bắt cá bằng thuốc nổ, mặc dù bị cấm, nhưng khi không dễ bị phát hiện, vì “*lợi ích cá nhân*”, con người vẫn thực hiện.

Hai là, cá nhân phải biết biến những đòi hỏi của xã hội thành những hành động cụ thể để đáp ứng lợi ích xã hội. Tuân thủ một cách tự giác pháp luật cũng là điều cơ bản tạo ra lợi ích xã hội.

Ba là, lắng nghe chân thành những ý kiến khác nhau, nhưng góp ý phê bình về vi phạm, xâm hại lợi ích xã hội thông qua những hành vi vi phạm pháp luật nhưng lại có những biểu hiện “*chống lại*” những người góp ý.

Bốn là, xã hội phải biết thể hiện khen, chê các biểu hiện tích cực, không tích cực liên quan đến lợi ích xã hội.

Tóm lại, những quy định, những nguyên tắc, v.v... mang tính đạo đức nhằm giúp để điều chỉnh mối quan hệ giữa con người với nhau.

1.1.3. Đạo đức là một hệ thống các giá trị của cá nhân, xã hội và tổ chức

Giá trị là những gì mà cá nhân, xã hội theo đuổi nhằm hướng đến. Những quy định mang tính “chuẩn mực đạo đức” ứng xử, giao tiếp chính là những giá trị mà con người, xã hội mong muốn hướng đến.

Mỗi một xã hội; mỗi một giai cấp đều tự xây dựng cho mình những chân giá trị khác nhau. Và ngay cả cộng đồng tôn giáo cũng có những chân giá trị riêng biệt. Đó chính là những niềm tin, những khao khát mà con người, xã hội mong muốn vươn đến. Tuy nhiên, đạo đức là một hình thái ý thức, mang tính “tinh thần”, do đó các giá trị của đạo đức cũng chính là những giá trị tinh thần của xã hội.

Đạo đức với nghĩa là những chuẩn mực sống, nên chịu sự tác động của nhiều yếu tố:

- Môi trường trong đó con người sống, tồn tại, vận động và phát triển;
- Những giá trị chuẩn mực sống chịu tác động của tôn giáo, tín ngưỡng;
- Các quy định hoạt động của nhóm, các đảng phái chính trị;
- Các loại văn bản pháp luật của nhà nước;
- Những giá trị cốt lõi khác của kinh tế, chính trị, xã hội và khoa học.

Hiện nay trong nhiều tài liệu nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến “thuật ngữ đạo đức”, nhiều bài viết tên gọi kèm theo chữ “đạo đức”. Ví dụ: đạo đức

xã hội; đạo đức cá nhân; đạo đức cách mạng; đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, chúng ta lại thiếu mất một ý nghĩa quan trọng “đạo đức là gì” và từ đó mới có thể đưa ra được cách hiểu “đạo đức gắn liền với những yếu tố khác”.

Đạo đức là :

- Thiện- ác;
- Lương tâm, trách nhiệm;
- Lòng tự trọng và hạnh phúc;
- Về đánh giá quan hệ con người - con người;
- Về đúng - sai;
- Đẹp và xấu; v.v...

Đạo đức là những gì con người cần có trong quan hệ, ứng xử hàng ngày với nhau : lịch sự; biết ơn; lễ độ; tự trọng; tôn trọng; thật thà; giản dị; tiết kiệm; trung thực; tôn sư trọng đạo; tự tin; đoàn kết; dũng cảm; khoan dung; siêng năng; tương trợ; liêm khiết; tự lập; giữ chữ tín; chí công vô tư; tự chủ; lí tưởng; năng động; sáng tạo; danh dự; hạnh phúc; lương tâm, v.v...

Mỗi một bài viết có thể giải thích nội dung khác nhau của các điều cần có trên trong mối quan hệ con người với nhau. Một số ví dụ sau đây có thể tham khảo.

Lịch sự: Là một “ứng xử, giao tiếp được mọi người chấp nhận và không cho là bất lịch sự”. Lịch sự cũng có nghĩa đòi hỏi chúng ta phải ứng xử với nhau dựa trên những giá trị văn hóa. Sự khác biệt về văn hóa cũng có thể làm cho quan hệ giao tiếp gây nên sự khó chịu với

người khác. Do đó, người lịch sự cũng đòi hỏi phải tìm kiếm những giá trị văn hóa chung của một cộng đồng mà mình quan hệ, giao tiếp với họ. Với người Ấn Độ, ăn bằng tay là chuyện bình thường; nhưng ở một quốc gia khác, ăn bằng tay là bất lịch sự.

Đổi ngược với lịch sự là sự thô lỗ hay nhiều trường hợp gọi là vô văn hóa. Những hành vi coi thường người khác; không tôn trọng sự có mặt của người khác; nghe điện thoại và nói to nơi đông người đều có thể coi là bất lịch sự, và cao hơn là thô lỗ, vô văn hóa. Nhiều người không quan tâm đến sự có mặt của người khác mà chỉ hành động theo thói quen như chỉ có một mình họ.

Biết ơn: Đây cũng là một cách ứng xử của một người với một người đã làm cho mình những điều tốt đẹp. Đó là cách ứng xử luôn “nhớ đến”; “luôn tìm cách báo đáp lại”. Hoặc đơn giản chỉ là một câu nói “cảm ơn”.

Lễ độ: cũng là cách ứng xử, giao tiếp giữa người với người (nhưng thường dùng cho người ít tuổi đối với người nhiều tuổi; người có thứ bậc thấp hơn trong mối quan hệ nào đó). Cách ứng xử, giao tiếp làm cho người khác hài lòng. Lễ độ là nghệ thuật làm người khác hài lòng khi nói chuyện với ta. Lễ độ cũng có nghĩa là lễ phép, chứ không phải là bợ đỡ.

Tự trọng: Tự trọng cũng là một trong những tư cách đạo đức con người cần phải có. Có câu nói của bà mẹ Hà Nội là “nó dám đi đánh giặc cũng là biết tự trọng”. Đó chính là nghĩa vụ của một công dân biết tự trọng khi đất nước có giặc ngoại xâm. Người biết tôn trọng và bảo vệ

danh dự của mình thì người đó được coi là có lòng tự trọng. Người có lòng tự trọng biết làm chủ các nhu cầu bản thân, kiềm chế được các nhu cầu, ham muốn không đúng lúc hoặc không chính đáng, đồng thời biết quý trọng nhân phẩm, danh dự của người khác. Người biết tự trọng tức biết coi trọng và giữ gìn phẩm cách, danh dự của mình.

Tôn trọng: Tôn trọng là một hành vi ứng xử của con người với chính mình và với người khác. Có thể xem tôn trọng từ ba yếu tố:

- Tự tôn trọng chính bản thân;
- Tôn trọng người khác;
- Được người khác tôn trọng.

Cả trong đời thường lẫn trong các tổ chức, quan hệ giữa con người với nhau luôn phải có sự tôn trọng lẫn nhau. Tôn trọng chính mình là tự bản thân mình biết được chính giá trị của mình; biết được những đức tính của bản thân và tự nhận biết những sai lầm của chính mình để khắc phục. Đó cũng đồng nghĩa với tự trọng, tự tôn trọng giá trị bản thân.

Tôn trọng người khác tức luôn không tỏ thái độ bất nhã với người thua kém mình; không xem thường những việc người ta làm dù rất nhỏ, luôn đánh giá cao những thành quả họ đạt được, luôn xem trọng những gì họ đem đến cho mình.

Tôn trọng người khác cũng thể hiện sự lắng nghe ý kiến của người khác. Tôn trọng là lắng nghe người khác;

biết rằng người khác cũng có giá trị; là đối xử tử tế với người khác. Muốn được người khác tôn trọng, thì phải tự đánh giá đúng bản thân mình, phải tự tôn trọng chính mình và phải biết tôn trọng người khác, thì sẽ được tôn trọng.

Trong các tổ chức, mỗi thành viên dựa trên những chuẩn mực giá trị để tự tôn trọng và tôn trọng lẫn nhau.

Ngược với tôn trọng là sự coi thường, không tôn trọng người khác. Ví dụ, sự tỏ ra “thiếu thân thiện” với những người có hoàn cảnh khó khăn hơn mình, những người có năng lực hạn chế nên chỉ làm công việc tay chân, lao động giản đơn.

Thật thà, trung thực: Đây cũng là một tính cách của con người trong giao tiếp ứng xử. Thật thà là “đúng y như tồn tại, như đã hoặc thường vẫn xảy ra trong thực tế, không thêm, không bớt, không bịa ra”; là “ngay thẳng, có thể nào bộc lộ thế ấy, không dối trá, không giả tạo”; là “tính người, tự bộc lộ mình một cách tự nhiên, không giả dối, không giả tạo, không tham lam, không tắt mắt” [2]. Thật thà cũng chính là sự bộc lộ mình một cách tự nhiên, không giả dối, ngay từ lời ăn, tiếng nói không giả tạo.

Tương tự và có thể sử dụng thay thế cho thuật ngữ thật thà là trung thực. Trung thực là một trong những đức tính của con người cần phải rèn luyện để có.

Không trung thực là một hiện tượng ta vẫn thường gặp trong cuộc sống, nó đã và đang diễn ra quanh ta, nhất là trong lớp trẻ, việc nói dối trở nên phổ biến.

² Xem *Từ điển Tiếng Việt*, 1994.

Trong kinh doanh, trong công việc, trong chính trị, trong cuộc sống đời thường, nhiều người thường lợi dụng lòng tin của mọi người để trục lợi cá nhân, lừa đảo kiếm tiền hay tham nhũng, che giấu tội ác trước pháp luật. Có những cán bộ đại diện cho dân, cho nước mà lại thiếu trung thực. Rời gian lận thuế, ăn cắp bản quyền, khai tăng thiệt hại hay thành tích, xử án gian lận, dối trên lừa dưới v.v... Không trung thực chính là nguyên nhân, mầm mống của các tiêu cực xã hội, gây băng hoại đạo đức, làm mất lòng tin, xói mòn đời sống tốt đẹp mọi người đang chung tay xây đắp. Bởi vậy cần phải trung thực, không vì cái lợi trước mắt mà bán rẻ lương tâm. Nhất là những người cầm quyền phải là người chí công vô tư, cương trực, thẳng thắn thì mới đưa đất nước vững mạnh đi lên, tiến tới công bằng, dân chủ, văn minh. Trung thực là giá trị đạo đức cần phải vươn đến, phải giữ gìn của tất cả mọi người.

Tính trung thực cần được chú trọng giáo dục, rèn luyện ngay từ những ngày còn cắp sách tới trường mà điểm đầu rèn luyện là thành thực với chính bản thân mình. Phải thành thật với mình, có thể mới không dối trá với người khác, với tổ chức, Đảng và nhân dân. Trung thực là cốt lõi, xoay quanh nó còn nhiều đức tính khác mà quan trọng nhất là thái độ thẳng thắn, tinh thần, hành động dũng cảm. Không có đức tính này, trung thực chỉ như cửa quý bị dấu kín. Thẳng thắn, dũng cảm lại phải chân thành, khéo léo. Nếu không trung thực - thẳng thắn, dũng cảm sẽ không có tác dụng hoặc bị hạn chế tác dụng. Ta nên rút ra một điều: rèn luyện tu dưỡng các tính tốt là